

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25
<i>Phụ lục số 01: Thuyết minh thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước</i>	26
<i>Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính</i>	27 - 28
<i>Phụ lục số 03: Tăng, giảm vốn chủ sở hữu</i>	29



CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Tài chính (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần In tài chính là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV In tài chính - Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100111225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2010. Tại ngày 25/12/2015, Công ty hoàn tất các thủ tục cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần In tài chính và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/12/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In Tài chính.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
1. Cổ phần do nhà nước nắm giữ	9.800.000	98.000.000.000	49%
2. Cổ đông khác	10.200.000	102.000.000.000	51%

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM ẢNH HƯỞNG LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 29.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Bà Trương Thị Dinh	Chủ tịch
Ông Phan Phương Anh	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Minh	Thành viên
Ông Đàm Quang Tùng	Thành viên

3236
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HÀNH X

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Dinh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Tuyển	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam (VNAA).

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trương Thị Dinh



Số: 47/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In Tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Tài chính, được lập ngày 27/03/2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Tel : 084 3736 7659
: 084 3736 8309
Fax : 084 3736 7622
Email : vaa@vnn.vn
Add : 16A Ngõ 181 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa tính giá thành chi tiết theo các hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm chi tiết theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và giá vốn hàng bán của Công ty có thể thay đổi. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục kiểm tra thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra nhận xét về các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In tài chính tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ HOẠT

Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0503-2013-150-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN,
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VNAA)**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

PHẠM THỊ ĐIỀN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2470-2015-150-1



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nghiêm Thị Lan Anh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		163.255.290.293	135.701.958.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	46.090.428.483	37.253.180.627
1. Tiền	111		13.090.428.483	5.253.180.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	32.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	50.000.000.000	19.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	19.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.114.349.658	58.100.510.403
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	42.348.442.789	54.553.374.725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		866.813.708	2.901.208.947
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.899.093.161	645.926.731
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	21.800.037.309	21.152.941.589
1. Hàng tồn kho	141		21.800.037.309	21.152.941.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		250.474.843	195.326.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	250.474.843	195.326.248
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.158.665.780	157.296.173.588
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		98.022.341.761	126.504.386.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	43.727.889.705	62.549.847.586
- Nguyên giá	222		227.193.480.393	294.566.213.465
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(183.465.590.688)	(232.016.365.879)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	36.615.614.178	45.686.406.497
- Nguyên giá	225		103.085.985.987	103.085.985.987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(66.470.371.809)	(57.399.579.490)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	17.678.837.878	18.268.132.474
- Nguyên giá	228		35.720.849.261	35.720.849.261
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(18.042.011.383)	(17.452.716.787)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	9.662.642.517	133.488.454
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.662.642.517	133.488.454
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.473.681.502	30.658.298.577
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	24.473.681.502	30.658.298.577
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		295.413.956.073	292.998.132.455



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.125.968.694	86.654.771.641
I. Nợ ngắn hạn	310		53.062.903.359	54.641.333.375
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	17.299.051.907	10.336.752.718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.119.412.575	8.809.641.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.202.421.226	2.250.735.394
4. Phải trả người lao động	314		10.056.841.309	9.767.370.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	492.942.532	409.165.671
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.761.448.148	8.747.334.705
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	9.868.213.848	11.257.123.848
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		262.571.814	3.063.209.310
II. Nợ dài hạn	330		29.063.065.335	32.013.438.266
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	433.242.000	764.360.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	28.629.823.335	31.249.078.266
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		213.287.987.379	206.343.360.814
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	213.287.987.379	206.343.360.814
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	5.930.478.926
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.287.987.379	412.881.888
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.287.987.379	412.881.888
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		295.413.956.073	292.998.132.455

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Duy Hưng

Nguyễn Văn Quang

Trương Thị Dinh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	252.468.073.816
2. Các khoản giảm trừ	02		-
- Chiết khấu bán hàng	02a		-
- Giảm giá hàng bán	02b		-
- Hàng bán bị trả lại	02c		-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		252.468.073.816
4. Giá vốn hàng bán	11	V.18	211.174.044.760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.294.029.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	3.184.694.459
7. Chi phí tài chính	22	V.20	3.676.389.992
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.629.121.992
8. Chi phí bán hàng	25		6.678.503.196
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		17.483.957.197
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.639.873.130
11. Thu nhập khác	31		58.181.818
12. Chi phí khác	32		70.888.293
13. Lợi nhuận khác	40		(12.706.475)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.627.166.655
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	3.325.433.331
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.301.733.324
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		665
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Duy Hưng

Nguyễn Văn Quang

Trương Thị Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		285.229.584.467
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(215.857.605.036)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.176.815.442)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.545.345.131)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.494.901.892)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.533.557.987
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(440.237.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.248.237.513
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(12.694.005.813)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.675.181.087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.018.824.726)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		9.320.090.036
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.555.560.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(7.772.694.967)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(384.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.392.164.931)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.837.247.856
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.253.180.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		46.090.428.483


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc





 Trương Thị Định

Trần Duy Hưng

Nguyễn Văn Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In tài chính là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV In tài chính - Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100111225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2010. Tại ngày 25/12/2015, Công ty hoàn tất các thủ tục cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần In tài chính và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/12/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In Tài chính.

Trụ sở chính của Công ty tại số 24 ngõ 115 phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ số 132 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành in;
- Bán buôn máy in, giấy các loại;
- Bán buôn kềm thành phẩm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tính đến thời điểm 31/12/2016,, Công ty có 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

TT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần In tài chính	132 Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán thông thường của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 để lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang xác định giá trị tồn kho của thành phẩm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán bằng cách kiểm đếm số lượng các thành phẩm đang tồn tại thời điểm cuối kỳ rồi nhân với đơn giá bán trên hợp đồng đã kí với nhà cung cấp và nhân với 60% là giá trị tồn kho thành phẩm bằng giá trị nguyên vật liệu

Công ty đang xác định giá trị tồn kho của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm bằng cách đánh giá chi phí nguyên vật liệu cấu thành nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu bán hàng trên doanh thu hợp đồng mà không có chi phí nhân công.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, chính sách đánh giá giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm như đã nêu trên là phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:



- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Chương trình phần mềm	04 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; lợi thế thương mại. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

3600
 NG
 NHIỆ
 ĐẢN, K
 ỆT
 XUAI

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng hóa

Được ghi nhận khi có đủ các điều kiện sau:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

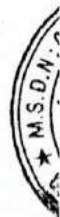
17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	525.045.026	837.653.082
Tiền gửi ngân hàng	12.565.383.457	4.415.527.545
Các khoản tương đương tiền (i)	33.000.000.000	32.000.000.000
Cộng	46.090.428.483	37.253.180.627

Ghi chú (i): các khoản tương đương tiền cuối kỳ bao gồm hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Hà Nội với lãi suất 4% và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 6%

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	50.000.000.000	50.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000

Ghi chú (i): Tiền gửi có kỳ hạn cuối kỳ là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 05 - 06 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Bắc Hà Nội, Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5,5 - 5,8%/năm

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	42.348.442.789	54.553.374.725
- Tổng cục thuế	17.226.563.023	28.193.880.000
- Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	1.940.910.821	4.386.437.420
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.945.038.269	3.058.426.369
- Cục Đăng kiểm Việt Nam	8.185.366	1.758.345.600
- Báo thiếu niên tiền phong	4.290.290.285	-
- Cục thuế TPHCM	3.377.352.000	1.466.938.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần BOT đường tránh Thanh Hóa	297.820.600	661.564.030
- Ban quản lý khu di tích và thắng cảnh Hương Sơn	-	576.180.000
- Các đối tượng khác	13.262.282.425	14.451.603.306

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.899.093.161	-	645.926.731	-
- Phải thu khác	935.441.705	-	604.392.831	-
+ Phải thu của CBCNV	114.059.805	-	168.715.761	-
+ Lãi dự thu	821.381.900	-	311.868.528	-
+ Phải thu về cổ phần hóa	-	-	31.818.182	-
+ Phải thu ngắn hạn khác	955.250.956	-	91.990.360	-
- Ký quỹ, ký cược	8.400.500	-	41.533.900	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	1.899.093.161	-	645.926.731	-

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.561.176.342	-	17.419.663.810	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.250.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	416.501.029	-	1.086.648.641	-
Thành phẩm	1.822.359.938	-	2.597.540.238	-
Hàng hóa	-	-	47.838.900	-
Cộng	21.800.037.309	-	21.152.941.589	-

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PT vận tải, vật truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	48.827.106.800	231.041.366.392	7.569.195.964	7.128.544.309	294.566.213.465
Số tăng trong kỳ	252.867.178	3.082.856.273	316.273.095,00	-	3.651.996.546
- Mua sắm trong kỳ	252.867.178	3.082.856.273	316.273.095	-	3.651.996.546
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	0	0
- Tăng khác	-	-	-	-	0
Số giảm trong kỳ	-	69.891.156.574	311.320.000	822.253.044	71.024.729.618
- Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	0
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	48.916.441	-	48.916.441
- Bàn giao về VMAC	-	69.754.527.574	262.403.559	505.979.949	70.522.911.082
- Giảm khác	-	136.629.000	-	316.273.095	452.902.095
Số dư cuối kỳ	49.079.973.978	164.233.066.091	7.574.149.059	6.306.291.265	227.193.480.393
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	27.297.425.993	193.527.612.698	5.044.751.925	6.146.575.263	232.016.365.879
Số tăng trong kỳ	3.715.134.705	17.232.050.931	658.436.906	366.513.349	21.972.135.891
- Khấu hao trong kỳ	3.715.134.705	17.232.050.931	658.436.906	366.513.349	21.972.135.891
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	0
Số giảm trong kỳ	-	69.754.527.574	262.403.559	505.979.949	70.522.911.082
- Bàn giao về VMAC	-	69.754.527.574	262.403.559	505.979.949	70.522.911.082
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	0
- Giảm khác	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	31.012.560.698	141.005.136.055	5.440.785.272	6.007.108.663	183.465.590.688
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	21.529.680.807	37.513.753.694	2.524.444.039	981.969.046	62.549.847.586
Tại ngày cuối kỳ	18.067.413.280	23.227.930.036	2.133.363.787	299.182.602	43.727.889.705

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: xem thuyết minh V.15

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.786.074.869 đồng.

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	103.085.985.987	103.085.985.987
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	103.085.985.987	103.085.985.987
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	57.399.579.490	57.399.579.490
Số tăng trong kỳ	9.070.792.319	9.070.792.319
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	9.070.792.319	9.070.792.319
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	66.470.371.809	66.470.371.809
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	45.686.406.497	45.686.406.497
Tại ngày cuối kỳ	36.615.614.178	36.615.614.178

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	33.593.194.647	2.127.654.614	35.720.849.261
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	33.593.194.647	2.127.654.614	35.720.849.261
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	15.325.062.173	2.127.654.614	17.452.716.787
Số tăng trong kỳ	589.294.596	-	589.294.596
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	589.294.596	-	589.294.596
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.914.356.769	2.127.654.614	18.042.011.383
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	18.268.132.474	-	18.268.132.474
Tại ngày cuối kỳ	17.678.837.878	-	17.678.837.878

Ghi chú: Công ty đang ghi nhận giá trị tài sản vô hình là quyền sử dụng đất (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2008 với Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Lữ Gia) với số tiền 22.393.194.647. Theo đó Công ty được quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến ngày 17/06/2047. Công ty chưa tách riêng giá trị tài sản trên đất để hạch toán sang tài sản cố định hữu hình mà đang trình bày chung trên chỉ tiêu quyền sử dụng đất trong giá trị tài sản cố định vô hình và trích khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	31/12/2016	01/01/2016		
a) Xây dựng cơ bản dở dang				
- Mua sắm tài sản	9.501.244.972	-		
- Xây dựng cơ bản	161.397.545	133.488.454		
<i>Tổ hợp chung cư và VP cho thuê</i>				
<i>TPHCM</i>	27.272.727	27.272.727		
<i>Xưởng SX-VP/Công ty ITC-2012</i>	134.124.818	106.215.727		
Cộng	9.662.642.517	133.488.454		
10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	31/12/2016	01/01/2016		
a) Ngắn hạn				
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.474.843	195.326.248		
- Chi phí Bảo hiểm	237.285.717	195.326.248		
	13.189.126	-		
b) Dài hạn				
- Lợi thế kinh doanh	24.473.681.502	30.658.298.577		
- Chênh lệch đánh giá công cụ dụng cụ	23.708.125.752	29.759.153.663		
- Chi phí dài hạn khác	284.072.348	577.774.261		
	481.483.402	321.370.653		
Cộng	24.724.156.345	30.853.624.825		
11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2016	01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	17.299.051.907	17.299.051.907	10.336.752.718	10.825.474.156
- DNTN Sản xuất Thương mại Phùng Vĩnh Hưng	-	-	2.670.040.890	2.670.040.890
- Công ty Cổ phần Giấy Phùng Vĩnh Hưng	5.300.594.882	5.300.594.882	1.364.789.800	1.364.789.800
- Xi nghiệp giấy XZ 72	3.074.402.810	3.074.402.810	1.408.127.162	1.408.127.162
- Chi nhánh Công ty TNHH TMDV Vũ Hoàng Minh tại Hà Nội	-	-	702.410.909	702.410.909
- Công ty CP SX và Thương mại PP	1.417.517.400	1.417.517.400	390.752.516	301.396.000
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Công nghệ	393.932.616	393.932.616	414.051.981	744.611.331
- Công ty TNHH XNK Thuận Phát	40.480.079	40.480.079	24.639.092	30.579.092
- Công ty TNHH TM DV Vũ Hoàng Minh	1.346.633.244	1.346.633.244	0	2.509.614
- Các người bán khác	5.725.490.876	5.725.490.876	3.361.940.368	3.601.009.358

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết tại phụ lục số 01 của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**a) Ngắn hạn**

Trích trước chi phí lãi vay vốn lưu động

Cộng

31/12/2016

01/01/2016

492.942.532

409.165.671

492.942.532

409.165.671

492.942.532**409.165.671****14. PHẢI TRẢ KHÁC****a) Ngắn hạn**

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Phải trả về cổ phần hóa

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Phải trả SCIC

- Đối tượng khác

31/12/2016

01/01/2016

6.761.448.148

8.747.334.705

105.811.021

52.458.665

61.057.675

49.253.115

234.336

234.336

342.296.250

20.800.000

6.252.048.866

8.624.588.589

5.930.478.925

7.379.165.851

321.569.941

1.245.422.738

b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

433.242.000

764.360.000

433.242.000

764.360.000

433.242.000

764.360.000

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết tại phụ lục số 02 của Báo cáo này

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết tại phụ lục số 03 của Báo cáo này

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của Nhà nước

Vốn góp của cổ đông khác

Cộng

31/12/2016

01/01/2016

98.000.000.000

98.000.000.000

102.000.000.000

102.000.000.000

200.000.000.000**200.000.000.000****c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

Năm 2016

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu kỳ

- Vốn góp tăng trong kỳ

- Vốn góp giảm trong kỳ

- Vốn góp cuối kỳ

+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia

200.000.000.000

200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	31/12/2016	01/01/2016
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
		Đơn vị tính: đồng
17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		251.395.829.913
Doanh thu khác		1.072.243.903
Cộng		252.468.073.816
18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Năm 2016
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ		211.174.044.760
Cộng		211.174.044.760
19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		3.184.694.459
Cộng		3.184.694.459
20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Năm 2016
Lãi tiền vay		3.629.121.992
Chi phí tài chính khác		47.268.000
Cộng		3.676.389.992
21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Năm 2016
a. Lợi nhuận trước thuế		16.627.166.655
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế		-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)		16.627.166.655
d. Thuế TNDN = {c * 20%}		3.325.433.331

310231
 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM
 KẾ TOÁN
 VI
 THANH

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Năm 2016

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (a)	13.301.733.324
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định	
- lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (b)	-
- Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (c=a+b)	13.301.733.324
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ (d)	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (e)	20.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{f=(c-d)/e\}$	665

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.090.428.483	37.253.180.627	46.090.428.483	37.253.180.627
Phải thu khách hàng	42.348.442.789	54.553.374.725	42.348.442.789	54.553.374.725
Phải thu khác	1.899.093.161	645.926.731	1.899.093.161	645.926.731
Cộng	90.337.964.433	92.452.482.083	90.337.964.433	92.452.482.083
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	17.299.051.907	10.336.752.718	17.299.051.907	10.336.752.718
Chi phí phải trả	492.942.532	409.165.671	492.942.532	409.165.671
Phải trả khác	7.194.690.148	9.511.694.705	7.194.690.148	9.511.694.705
Các khoản vay	38.498.037.183	42.506.202.114	38.498.037.183	42.506.202.114
Cộng	63.484.721.770	62.763.815.208	63.484.721.770	62.763.815.208

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các Đơn vị khác tại ngày 31/12/2016 (được thuyết minh tại V.15).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Số cuối kỳ	34.421.656.435	29.063.065.335	63.484.721.770
Phải trả người bán	17.299.051.907	-	17.299.051.907
Chi phí phải trả	492.942.532	-	492.942.532
Phải trả khác	6.761.448.148	433.242.000	7.194.690.148
Các khoản vay	9.868.213.848	28.629.823.335	38.498.037.183
Số đầu năm	30.750.376.942	32.013.438.266	62.763.815.208
Phải trả người bán	10.336.752.718	-	10.336.752.718
Chi phí phải trả	409.165.671	-	409.165.671
Phải trả khác	8.747.334.705	764.360.000	9.511.694.705
Các khoản vay	11.257.123.848	31.249.078.266	42.506.202.114

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các rủi ro lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

3. Thông tin so sánh

Công ty Cổ phần In tài chính được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV In tài chính tại ngày 25/12/2015. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 nên không có số liệu so sánh. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 25/12/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần In tài chính.

Người lập biểu



Trần Duy Hưng

Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Quang

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Trương Thị Dinh



CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục số 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016		Đơn vị tính: đồng
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.869.750.930	26.090.052.569	24.968.527.730	-	2.991.275.769	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	351.324.975	3.325.433.331	2.494.901.892	-	1.181.856.414	
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.527.698	186.190.507	193.832.162	-	7.886.043	
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	780.471.190	780.471.190	-	-	
Thuế BVMT và các loại thuế khác	-	9.764.791	25.120.610	34.885.401	-	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.367.000	87.483.200	70.447.200	-	21.403.000	
Cộng	-	2.250.735.394	30.494.751.407	28.543.065.575	-	4.202.421.226	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ (31/12/2016)		Tăng	Trong kỳ		Đầu kỳ (01/01/2016)
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	
a) Vay ngắn hạn						
b) Vay dài hạn đến hạn trả	9.868.213.848	9.868.213.848	9.868.213.848	11.257.123.848	11.257.123.848	11.257.123.848
- Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	4.166.650.000	4.166.650.000	4.166.650.000	5.555.560.000	5.555.560.000	5.555.560.000
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (**)	5.701.563.848	5.701.563.848	5.701.563.848	5.701.563.848	5.701.563.848	5.701.563.848
c) Vay dài hạn	-	-	-	4.166.650.000	4.166.650.000	4.166.650.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	-	-	-	4.166.650.000	4.166.650.000	4.166.650.000
d) Nợ thuê tài chính	28.629.823.335	28.629.823.335	9.320.090.036	27.082.428.266	27.082.428.266	27.082.428.266
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (**)	28.629.823.335	28.629.823.335	9.320.090.036	27.082.428.266	27.082.428.266	27.082.428.266
Cộng	38.498.037.183	38.498.037.183	19.188.303.884	23.196.468.815	42.506.202.114	42.506.202.114

(*) Bao gồm:

Số hợp tin dụng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2016	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	
						Tài sản đảm bảo	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Á Châu							
Hợp đồng số NHN.DN.01220812	07/09/2012	07/09/2017	Theo thông báo của Ngân hàng	4.166.650.000	4.166.650.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2 máy in Offset 4 màu; 01 máy gập; 01 máy xén 03 mặt; 02 máy vào bìa keo; 02 máy in Offset tờ rời 2 màu

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Phụ lục 02: Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)**

Số hợp tín dụng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2016	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam							
Hợp đồng số 22.14.05/CTTC	22-07-2014	19-08-2021	Theo thông báo của Ngân hàng	28.629.823.335	5.701.563.848	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	
Hợp đồng số 22.14.06/CTTC	22-07-2014	18-08-2021	Theo thông báo của Ngân hàng	7.855.268.375	1.571.053.676	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	
Hợp đồng số 116.16.03/CTTC	18-07-2016	27-07-2023	Theo thông báo của Ngân hàng	122.004.107		Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	

Nợ dài hạn thuế tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số 22.14.05/CTTC ngày 22/07/2014. Tài sản thuế là một máy cuộn Gallus EM 430 S và một thiết bị rửa lò Anilox Ultra Clean NW-2; số tiền cho thuê là 30.415.425.078 đồng. Thời gian thuê 84 tháng kể từ ngày công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; cứ 3 tháng trả gốc; cứ 3 tháng trả gốc; cứ 3 tháng trả gốc; lãi cho thuê được tính từ ngày bên cho thuê trả khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,4%/ năm.

Nợ dài hạn thuế tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số 22.14.06/CTTC ngày 22/07/2014. Tài sản thuế là một hệ thống in phun Kodak Prosper S-5; Số tiền cho thuê là 10.499.720.000 đồng. Thời gian thuê là 84 tháng kể từ ngày công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; cứ 3 tháng trả gốc; cứ 3 tháng trả gốc; cứ 3 tháng trả gốc; lãi cho thuê được tính từ ngày bên cho thuê trả khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,4%/ năm

Nợ dài hạn thuế tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số 116.16.03/CTTC ngày 18/07/2016. Tài sản thuế là Hệ thống kích hoạt tem thuốc lá mã vạch hai chiều - Giai đoạn 1; Số tiền cho thuê là 10.355.655.595 đồng. Thời gian thuê 84 tháng kể từ ngày công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; cứ 3 tháng trả gốc; cứ 3 tháng trả gốc; cứ 3 tháng trả gốc; lãi cho thuê được tính từ ngày bên cho thuê trả khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,2%/ năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Phụ lục số 03: Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn Đầu tư xây dựng cơ bản	Đơn vị tính: đồng
						Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	200.000.000.000	5.930.478.926	-	412.881.888		206.343.360.814
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	13.301.733.324		13.301.733.324
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (i)	-	(5.930.478.926)	-	(426.627.833)		(6.357.106.759)
Số dư cuối năm	200.000.000.000	-	-	13.287.987.379	-	213.287.987.379

Trong đó:

(i) bao gồm:

Quỹ đầu tư phát triển giảm do chuyển về ghi nhận phải trả SCIC

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp giảm do nộp về SCIC

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm do nộp phạt thuế, thanh toán thù lao hội đồng quản trị

